

**Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG**

<b>E-ĐKC 1.1</b>	Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 Hùng Vương, phường Chợ Quán, TP Hồ Chí Minh. Địa chỉ cơ sở 2: Số 8-10 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh.
<b>E-ĐKC 1.3</b>	Nhà thầu: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i>
<b>E-ĐKC 1.10</b>	Địa điểm dự án: quận Bình Thạnh và quận Gò Vấp (nay là phường Gia Định và phường Bình Thạnh).
<b>E-ĐKC 1.11</b>	Ngày hợp đồng có hiệu lực: _____
<b>E-ĐKC 2.2 (i)</b>	Các tài liệu khác: _____ <i>[Ghi các tài liệu khác, nếu có]</i>
<b>E-ĐKC 4.1</b>	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Theo quy định hiện hành và sẽ được cụ thể trong biên bản thương thảo hợp đồng tư vấn.
<b>E-ĐKC 5.1</b>	Các trường hợp khác: Không áp dụng.
<b>E-ĐKC 7</b>	Loại hợp đồng: Trọn gói.
<b>E-ĐKC 8</b>	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp: Giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.
<b>E-ĐKC 10</b>	10.1. Tạm ứng - Thời gian tạm ứng chậm nhất là <b>07 ngày</b> kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. - Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu là <b>30% giá trị hợp đồng</b> . - Trường hợp là nhà thầu liên danh thì Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho từng thành viên liên danh 30% giá trị phần công việc đảm nhận. Từng thành viên trong liên danh phải nộp bảo lãnh tạm ứng cho Chủ đầu tư (nếu có) tương ứng với giá trị tạm ứng của từng thành viên liên danh (Hoặc có thỏa thuận về đơn vị nộp bảo lãnh tạm ứng của Nhà thầu). 10.2. Thanh toán Phương thức thanh toán: Chuyển khoản. - Đồng tiền thanh toán: VND. - Số lần thanh toán: Cụ thể trong thương thảo hợp đồng hoặc hợp đồng chính thức. - Thời hạn thanh toán: Cụ thể trong thương thảo hợp đồng hoặc hợp đồng chính thức.
<b>E-ĐKC 11</b>	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không yêu cầu.
<b>E-ĐKC 12</b>	Thời gian thực hiện hợp đồng: 960 ngày.
<b>E-ĐKC 13.1</b>	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu

	sửa đổi hợp đồng căn cứ yêu cầu cụ thể của nội dung điều chỉnh.
<b>E-ĐKC 13.2 (e)</b>	Các trường hợp khác: Không có.
<b>E-ĐKC 14.2</b>	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư.
<b>E-ĐKC 16.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [ <i>Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT</i> ].
<b>E-ĐKC 16.2</b>	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng. Trường hợp là Nhà thầu liên danh: Từng thành viên liên danh không được giao giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện vượt quá: 30% giá trị đảm nhận.
<b>E-ĐKC 16.4</b>	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ : _____ [ <i>Ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)</i> ].
<b>E-ĐKC 17</b>	<i>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</i> 1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng. <i>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</i> a) Nhà thầu bị phạt theo mức: Phạt 2% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm cho việc làm chậm thời gian thi công 07 ngày đầu tiên và bị phạt thêm 1% cho mỗi đợt chậm (07 ngày) tiếp theo cho đến khi mức phạt bằng 12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm. Tổng số tiền phạt không vượt quá <b>771.470.313 VND</b> . Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu. b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Điều 10 thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu. 2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;
<b>E-ĐKC 19.1</b>	Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: _____ <i>[Ghi cụ thể những nội dung mà khi nhà thầu vi phạm thì chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng. Ví dụ: nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong E-HSĐT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương].</i>
<b>E-ĐKC 20</b>	Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư: _____ <i>[Ghi cụ thể những nội dung mà khi chủ đầu tư vi phạm thì nhà thầu có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng]</i>
<b>E-ĐKC 22.2</b>	Giải quyết tranh chấp: Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên cùng thương lượng, hòa giải, lập các văn bản bổ sung trên tinh thần hỗ trợ lẫn nhau cùng giải quyết công việc. Nếu không giải quyết được thì phán quyết của Tòa kinh tế tòa án nhân dân tỉnh sẽ là phán quyết cuối cùng, án

	phí sẽ do bên thua kiện chi trả theo quy định. Thời gian tối đa giải quyết tranh chấp là 28 ngày.
<b>E-ĐKC 23.1</b>	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 Hùng Vương, phường Chợ Quán, TP Hồ Chí Minh. Địa chỉ cơ sở 2: Số 8-10 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh.</li></ul> <p>+ E-mail: _____</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____</li></ul> <p>+ Điện thoại: _____</p> <p>+ E-mail: _____</p>

## CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

*Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà áp dụng loại hợp đồng DVTV cho phù hợp.*

*Trường hợp hợp đồng có một hoặc nhiều hợp đồng bộ phận, Chủ đầu tư vận dụng biểu mẫu hợp đồng DVTV loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo thời gian để xây dựng hợp đồng DVTV.*

*Khi sử dụng cần chú ý không được thay đổi E-ĐKC, các điều khoản trong **E-ĐKCT** cần được thực hiện như mô tả trong ghi chú bằng chữ in nghiêng cho từng điều khoản.*

**HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_ [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của chủ đầu tư; [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

- Các căn cứ khác (nếu có). [Hệ thống để trường ký tự để chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên chủ đầu tư: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: \_\_\_\_; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đối với trường hợp chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

**Chủ đầu tư**

Tên chủ đầu tư: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: \_\_\_\_; [chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

**Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Đơn vị được ủy quyền: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: \_\_\_\_; [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

### **Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục A “Điều khoản tham chiếu” kèm theo.

### **Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;
3. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
4. Biên bản thương thảo hợp đồng, biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
5. E-ĐKC của hợp đồng;
6. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
7. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
8. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);
9. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
10. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

### **Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho Nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà \_\_\_\_\_ [Ghi rõ họ tên] là cán bộ phụ trách của Chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

### **Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;
2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B “Nhân sự của nhà thầu” để thực hiện dịch vụ;
3. Nộp báo cáo cho chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục C “Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu”;
4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

## **Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

### 1. Hợp đồng trọn gói<sup>(3)</sup>

a) Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*

Giá hợp đồng: \_\_\_\_\_ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

b) Thời hạn thanh toán:

\_\_\_\_\_ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).*

\_\_\_\_\_ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.*

\_\_\_\_\_ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.*

Tổng số tiền thanh toán \_\_\_\_\_ *[Ghi giá trị và đồng tiền]*

*[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].*

### 2. Hợp đồng theo đơn giá cố định<sup>(3)</sup>

a) Giá hợp đồng *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng.

b) Thời hạn thanh toán:

\_\_\_\_\_ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).*

\_\_\_\_\_ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.*

\_\_\_\_\_ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.*

Tổng số tiền thanh toán \_\_\_\_\_ *[Ghi giá trị và đồng tiền]*

*[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].*

### 3. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh<sup>(3)</sup>

a) Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí.

b) Thời hạn thanh toán:

\_\_\_\_\_ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

\_\_\_\_\_ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

\_\_\_\_\_ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán \_\_\_\_\_ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

4. Hợp đồng theo thời gian<sup>(3)</sup>

a) Giá hợp đồng: \_\_\_\_\_ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải trả, chi tiết như sau:

- Thù lao cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu thù lao tính theo tháng người hoặc theo tuần, theo ngày, theo giờ (lựa chọn một trong ba nội dung và xóa nội dung còn lại) như đã thống nhất tại Phụ lục B.

- Chi phí khác cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu các chi phí khác với mức trần là \_\_\_\_\_ [Ghi giá trị và đồng tiền thanh toán] cho các khoản chi thực tế hoặc khoán gọn<sup>(4)</sup> dưới đây:

+ Chi phí công tác (bao gồm chi phí đi lại, phụ cấp công tác và lưu trú), tiền văn phòng phẩm và photô, in ấn tài liệu, chi phí liên lạc. Chi phí này sẽ được hoàn trả và cần được chủ đầu tư xác nhận;

+ Chi phí khác đã được chủ đầu tư phê duyệt.

b) Thời hạn thanh toán:

\_\_\_\_\_ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

\_\_\_\_\_ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

\_\_\_\_\_ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán \_\_\_\_\_ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

5. Phương thức thanh toán: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 10.2 E-ĐKCT].

**Điều 6. Loại hợp đồng**

Loại hợp đồng: *[Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-ĐKCT]*.

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:** \_\_\_\_ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 E-ĐKC, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên]*.

**Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_\_ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng]*.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**

**CỦA NHÀ THẦU**

*[xác nhận, chữ ký số]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA**

**CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

*[xác nhận, chữ ký số]*

**Ghi chú:**

*(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.*

*(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.*

*(3) Lựa chọn bảo đảm phù hợp với Mục 7 E-ĐKCT của hợp đồng*

*(4) Ghi rõ loại chi phí nào thanh toán theo thực tế phát sinh hoặc chi phí nào khoán gọn.*

## PHỤ LỤC

- Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu  
Phụ lục B: Nhân sự của nhà thầu  
Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu.

**Mẫu số 17 (Webform trên Hệ thống)**

**THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất tên nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu*] với giá hợp đồng là \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là \_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

*Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:*

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: \_\_\_\_ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng thực hiện qua Hệ thống.

*Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:*

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa

chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

**GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do \_\_\_\_ [ghi tên chủ đầu tư] tổ chức:

*[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu;*

*- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có) đối với trường hợp thương thảo hợp đồng trực tiếp;*

*- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.]<sup>(2)</sup>.*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu]. \_\_\_\_ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, chủ đầu tư giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu (nếu có)]

**Người ủy quyền**

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của  
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền

cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025*

**HỢP ĐỒNG**  
**TƯ VẤN GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG**

Số: /HĐ-BHTĐT

- Dự án : Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp.
- Gói thầu TV-13 : Tư vấn giám sát thi công xây dựng gói thầu XL-02.
- Địa điểm : Quận Bình Thạnh và quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

**GIỮA**

**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**  
**HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**VÀ**

**LIÊN DANH .....**

## MỤC LỤC

### DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

### PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

### PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

### PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Dẫn giải

Điều 2. Loại Hợp đồng

Điều 3. Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

Điều 4. Trao đổi thông tin

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

Điều 6. Bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 10. Giá trị Hợp đồng

Điều 11. Điều chỉnh Hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

Điều 14. Nhân lực của Bên B

Điều 15. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Điều 16. Bảo hiểm

Điều 17. Rủi ro và bất khả kháng

Điều 18. Tạm ngừng công việc trong Hợp đồng

Điều 19. Chấm dứt Hợp đồng

Điều 20. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

Điều 21. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Điều 22. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 23. Tạm ứng và thanh toán

Điều 24. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Điều 25. Phạt, bồi thường thiệt hại

Điều 26. Điều khoản chung

### PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại Hợp đồng

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

Điều 3. Bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 5. Giá trị Hợp đồng

Điều 6. Điều chỉnh Hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 7. Nhân lực của Bên B

Điều 8. Chấm dứt Hợp đồng

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 11. Tạm ứng và thanh toán

Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Điều 13. Phạt, bồi thường thiệt hại

Điều 14. Điều khoản chung

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
E-HSMT/HSMT	Hồ sơ mời thầu
E-HSDT	Hồ sơ dự thầu
E-HSĐXKT, HSĐXTC	E- Hồ sơ đề xuất kỹ thuật, Hồ sơ đề xuất tài chính
BIM	Mô hình thông tin công trình
Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015	Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10
Luật Xây dựng số ngày 18 tháng 6 năm 2014	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10.
Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5
Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024	Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8.
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu ngày 25 tháng 6 năm 2025	Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9.

## PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

*Hôm nay, tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm có các bên dưới đây:*

### 1. Chủ đầu tư (gọi tắt là **Bên A**):

Tên giao dịch: **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Đại diện : **Ông Đậu An Phúc** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Số 01 Hùng Vương, phường Chợ Quán, TP.HCM  
trụ sở chính

Địa chỉ cơ sở 2 : Số 8-10 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, TP. HCM

Điện thoại : (028) 35 267 497

Tài khoản số : 9552.2.8028540 tại Kho Bạc Nhà nước Khu vực II

Mã số thuế : 0318872563

Và bên kia là:

### 2. Nhà thầu (gọi tắt là **Bên B**): **LIÊN DANH .....**

#### \* Thành viên đứng đầu liên danh: **CÔNG TY .....**

Đại diện : **Ông .....** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Số ....., phường ....., TP.HCM

Điện thoại : (028) .....

Tài khoản số : ..... tại Ngân hàng .....

Mã số thuế : .....

Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty ..... số .... do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp lần đầu ngày .... tháng ... năm 20..., đăng ký thay đổi lần thứ .. ngày .... tháng ... năm 20.....

#### \* Thành viên liên danh: **CÔNG TY .....**

Đại diện : **Ông .....** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Số ....., phường ....., TP.HCM

Điện thoại : (028) .....

Tài khoản số : .... tại Ngân hàng .....

Mã số thuế : .....

Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty ..... do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp lần đầu ngày ... tháng .. năm 20.., đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm 20....

#### 2.1. Phân công trách nhiệm thực hiện công việc của các thành viên:

STT	Tên	Nội dung công việc	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	<b>Thành viên đứng đầu liên danh CÔNG TY ...</b>	Giám sát hạng mục .....	...%
2	<b>Thành viên liên danh CÔNG TY ...</b>	Giám sát hạng mục ....	....%
<b>Tổng cộng</b>		<b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b>	<b>100%</b>

## 2.2. Thanh toán và tạm ứng:

Tiền thanh toán và tạm ứng Bên A sẽ chuyển trực tiếp vào tài khoản của từng thành viên liên danh.

## 2.3. Sử dụng con dấu:

Các thành viên liên danh thống nhất sử dụng con dấu trong các văn bản chung của liên danh là con dấu của Công ty ... và mỗi thành viên sử dụng con dấu riêng của mình đối với các hồ sơ và văn bản liên quan đến phần việc mà thành viên đó đảm nhận và chịu trách nhiệm.

## 2.4. Trách nhiệm của từng thành viên trong liên danh:

- Các thành viên trong liên danh chịu hoàn toàn trách nhiệm về tiến độ, chất lượng,... của phần công việc mà mình đảm nhận trong thỏa thuận liên danh;

- Đồng thời thành viên đứng đầu liên danh phải chịu trách nhiệm chính về tiến độ, chất lượng, ... của toàn bộ công trình kể cả công việc do thành viên liên danh thực hiện.

Trường hợp thành viên liên danh không hoàn thành công việc của mình bị Bên A nhắc nhở 3 lần bằng văn bản hoặc bỏ dở công việc đang thực hiện thì thành viên đứng đầu liên danh có trách nhiệm thực hiện hoàn tất công việc theo Hợp đồng đã ký kết.

Hai bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng gói thầu TV-13: Tư vấn giám sát thi công xây dựng gói thầu XL-02 thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp như sau:

## PHẦN 2 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của

Luật Đấu thầu ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;

Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực kho bạc nhà nước;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Nghị Định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng;

Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Thông tư số 63/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chủ trương đầu tư dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 4584/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 5639/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 5126/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về duyệt điều chỉnh dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 6075/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy Ban nhân

dân thành phố Hồ Chí Minh về giao Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc chuyển đổi cơ quan quản lý của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thành Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (mới);

Quyết định số 199/QĐ-UBND-TC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tiếp nhận và bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 227/QĐ-BHTĐT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng gói thầu XL-02: Đoạn từ cầu Bùi Đình Túy đến đường Lương Ngọc Quyến, bao gồm rạch Bình Lợi, rạch Bình Triệu (từ Km2+512 đến Km5+216) thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 228/QĐ-BHTĐT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Tổng dự toán xây dựng công trình thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 384/QĐ-BHTĐT ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số .../QĐ-BHTĐT ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt dự toán gói thầu TV-13: Tư vấn giám sát thi công xây dựng gói thầu XL-02 thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số .../QĐ-BHTĐT ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt E-HSMT gói thầu TV-13: Tư vấn giám sát thi công xây dựng gói thầu XL-02 thuộc dự án Nạo vét,

cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiều Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

E-HSMT gói thầu TV-13: Tư vấn giám sát thi công xây dựng gói thầu XL-02 thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiều Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp, do Công ty .... lập tháng ... năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định số .../QĐ-BHTĐT ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh;

E-HSĐT của .... dự thầu gói thầu TV-13: Tư vấn giám sát thi công xây dựng gói thầu XL-02 thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiều Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số .../QĐ-BHTĐT ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật gói thầu TV-13: Tư vấn giám sát thi công xây dựng gói thầu XL-02 thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiều Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Báo cáo đánh giá E-HSDXKT số ... ngày ... tháng .. năm 2025 của .... về đánh giá E-HSDXKT gói thầu TV-13: Tư vấn giám sát thi công xây dựng gói thầu XL-02 thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiều Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Báo cáo đánh giá E-HSDXTC số .... ngày ... tháng ... năm 2025 của .... về đánh giá E-HSDXTC gói thầu TV-13: Tư vấn giám sát thi công xây dựng gói thầu XL-02 thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiều Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Thỏa thuận liên danh ngày ... tháng ... năm 2025 giữa .....

Biên bản thương thảo Hợp đồng số .../BBTT-BHTĐT ngày ... tháng .. năm 2025 đã được ký kết giữa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh và ..... về thương thảo Hợp đồng thực hiện gói thầu TV-13: Tư vấn giám sát thi công xây dựng gói thầu XL-02 thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiều Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số .../QĐ-BHTĐT ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu TV-13: Tư vấn giám sát thi công xây dựng gói thầu XL-02 thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiều Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số .... ngày ... tháng .. năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu TV-13: Tư vấn giám sát thi công xây dựng gói thầu XL-02 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiều Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Thông báo số .../BHTĐT-DA3 ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về việc thông báo chấp thuận E-HSDT và trao Hợp đồng;

Các pháp lý khác có liên quan.

### **PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG**

#### **Điều 1. Diễn giải**

*Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:*

1. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nhà thầu: .....

3. Dự án: Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp.

4. Gói thầu TV- 13: Tư vấn giám sát thi công xây dựng gói thầu XL-02.

5. Đại diện Bên A là người được Bên A nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Bên A điều hành công việc.

6. Đại diện Bên B là người được Bên B nêu ra trong Hợp đồng hoặc được nhà thầu chỉ định và thay mặt Bên B điều hành công việc.

7. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký Hợp đồng với nhà thầu để trực tiếp thực hiện công việc.

8. Hợp đồng là toàn bộ hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 3. [Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên].

9. HSMT của Bên A là toàn bộ tài liệu theo quy định.

10. HSDT của Bên B là toàn bộ tài liệu theo quy định.

11. Đơn dự thầu là đề xuất của Bên B có ghi giá dự thầu để thực hiện công việc theo đúng các yêu cầu của HSMT.

12. Bên là Bên A hoặc Bên B tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

13. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

14. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

15. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

#### **Điều 2. Loại Hợp đồng**

Loại Hợp đồng: [quy định tại ĐKCT]

#### **Điều 3. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên**

3.1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các căn cứ ký kết Hợp đồng; các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này và các tài liệu tại khoản 3.2 dưới đây.

3.2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn

giữa các tài liệu bao gồm:

- a. Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
- b. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- c. Quyết định phê duyệt dự toán gói thầu;
- d. Điều kiện cụ thể của Hợp đồng;
- e. Điều kiện chung của Hợp đồng;
- f. Hồ sơ mời thầu của Bên A;
- g. Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;
- h. Hồ sơ dự thầu của Bên B;
- i. Biên bản thương thảo hợp đồng, các sửa đổi, bổ sung bằng văn bản;
- j. Các Phụ lục của Hợp đồng;
- k. Các tài liệu khác có liên quan.

3.3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 3.2 Điều này.

#### **Điều 4. Trao đổi thông tin**

4.1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

4.2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

#### **Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng**

5.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

5.2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được [quy định tại **ĐKCT**].

#### **Điều 6. Bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng**

Việc thực hiện bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015.

Trước khi Bên A tạm ứng Hợp đồng cho Bên B thì Bên B phải nộp cho Bên A bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng theo quy định [quy định tại **ĐKCT**]. Tất cả các bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang và phải được Bên A chấp thuận.

Từng thành viên liên danh của Bên B phải nộp bảo lãnh tạm ứng hợp đồng cho Bên A, mức bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương ứng với phần giá trị tạm ứng hợp đồng của mỗi thành viên liên danh. Thành viên đứng đầu liên danh hoặc các thành viên liên danh có thể thỏa thuận để thực hiện việc bảo lãnh tạm ứng hợp đồng cho thành viên còn lại theo quy định.

Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi Bên A thu hồi hết số tiền tạm ứng. Giá trị của bảo lãnh tiền tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng đã thu hồi qua mỗi lần thanh toán giữa các bên. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.

## **Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình**

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện hoàn thành gói thầu TV-13: Tư vấn giám sát thi công xây dựng gói thầu XL-02 thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp. Nội dung công tác giám sát thi công xây dựng thực hiện theo các yêu cầu sau:

7.1. Nội dung và khối lượng công việc thực hiện được thể hiện cụ thể trong HSMT và các thỏa thuận tại các biên bản đàm phán Hợp đồng giữa các bên, bao gồm các công việc chủ yếu sau:

a. Nội dung công việc giám sát thi công xây lắp phải bảo đảm theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 120 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014, cụ thể như sau:

- Công trình xây dựng phải được giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.

- Thực hiện trong suốt quá trình thi công từ khi khởi công xây dựng, trong thời gian thực hiện cho đến khi hoàn thành và nghiệm thu công việc, công trình xây dựng.

- Giám sát thi công công trình đúng thiết kế xây dựng được phê duyệt, tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định về quản lý, sử dụng vật liệu xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật và hợp đồng xây dựng.

- Trung thực, khách quan, không vụ lợi.

- Bên B phải có đề xuất về giải pháp giám sát và quy trình kiểm soát chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, quy trình kiểm tra và nghiệm thu, biện pháp quản lý hồ sơ tài liệu trong quá trình giám sát và nội dung cần thiết khác.

b. Nội dung công việc cụ thể của giám sát thi công xây dựng công trình thực hiện theo khoản 1 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021, cụ thể như sau:

- Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm: nhân lực, thiết bị thi công, phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình;

- Kiểm tra biện pháp thi công xây dựng của nhà thầu so với thiết kế biện pháp thi công đã được phê duyệt. Chấp thuận kế hoạch tổng hợp về an toàn, các biện pháp đảm bảo an toàn chi tiết đối với những công việc đặc thù, có nguy cơ mất an toàn lao động cao trong thi công xây dựng công trình;

- Xem xét và chấp thuận các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 do Bên B trình và yêu cầu nhà thầu thi công chỉnh sửa các nội dung này trong quá trình thi công xây dựng công trình cho phù hợp với thực tế và quy định của Hợp đồng. Trường hợp cần thiết, Bên A thỏa thuận trong Hợp đồng xây dựng với các nhà thầu về việc giao Bên B giám sát thi công xây dựng lập và yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng thực hiện đối với các nội dung nêu trên;

- Kiểm tra và chấp thuận vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình;

- Kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công xây dựng công trình và các nhà thầu khác thực hiện công việc xây dựng tại hiện trường theo yêu cầu của thiết kế xây dựng và tiến độ thi công của công trình;

- Giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình; giám sát các biện pháp đảm bảo an toàn đối với công trình lân cận, công tác quan trắc công trình;

- Đề nghị Bên A tổ chức điều chỉnh thiết kế khi phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế;

- Yêu cầu Bên B tạm dừng thi công khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn, vi phạm các quy định về quản lý an toàn lao động làm xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động; chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình và phối hợp xử lý, khắc phục sự cố theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021;

- Kiểm tra, đánh giá kết quả thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng trong quá trình thi công xây dựng và các tài liệu khác có liên quan phục vụ nghiệm thu; kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công;

- Tổ chức thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 (nếu có);

- Thực hiện các công tác nghiệm thu theo quy định tại các Điều 21, 22, 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021; kiểm tra và xác nhận khối lượng thi công xây dựng hoàn thành;

- Lập sơ đồ tổ chức và đề cương giám sát bao gồm nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của chức danh giám sát, lập kế hoạch và quy trình kiểm soát chất lượng, quy trình kiểm tra và nghiệm thu, phương pháp quản lý các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình giám sát thi công xây dựng;

- Giám sát thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với các công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường phù hợp với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường và an toàn phòng cháy chữa cháy;

- Giám sát thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, đảm bảo an toàn giao thông, quan trắc lún, trắc đạc công trình theo quy định;

- Phối hợp thực hiện công tác sử dụng mô hình thông tin công trình (BIM) trong giai đoạn thi công của gói thầu;

- Thực hiện các nội dung khác theo quy định của Hợp đồng xây dựng.

7.2. Bên B phải lập và trình cho Bên A sản phẩm của Hợp đồng Tư vấn giám sát thi công xây lắp bao gồm:

a. Bên B lập và trình Bên A đề cương tư vấn giám sát ngay sau khi ký kết Hợp đồng.

b. Báo cáo định kỳ hoặc báo cáo theo giai đoạn thi công xây dựng theo quy định tại Phụ lục IVA Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. Cụ thể như sau:

- Tham gia giải quyết những sự cố có liên quan đến công trình xây dựng và báo cáo lên cấp trên có thẩm quyền theo quy định hiện hành;

- Lập và cung cấp cho Bên A, nhà thầu thi công các báo cáo định kỳ hàng tuần, hàng tháng; theo giai đoạn thi công xây dựng và đột xuất (khi có yêu cầu hoặc khi thấy cần thiết) về các công việc do bộ phận thi công đã và đang thực hiện tại công trường, trong đó có báo cáo các công việc đã hoàn thành và được nghiệm thu trong kỳ báo cáo, nhận xét, đánh giá của bộ phận giám sát thi công về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường, cảnh báo cho Bên A về các tình huống cụ thể có thể xảy ra trong tương lai có tác động xấu, làm chậm việc thi công công trình hay làm tăng giá Hợp đồng xây lắp trong trường hợp thay đổi tiến độ thi công; các đề xuất, kiến nghị.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan trong quá trình giám sát thi công theo thiết kế;

- Tiếp nhận đối chiếu và hướng dẫn Nhà thầu thi công xử lý theo các kết quả kiểm tra, giám định, phúc tra của các cơ quan chức năng và Bên A.

c. Báo cáo hoàn thành công tác giám sát thi công xây dựng gói thầu, giai đoạn, hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại Phụ lục IVB Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021. Sau mỗi công đoạn thi công phải thực hiện công tác nghiệm thu bộ phận, hạng mục công trình đã hoàn thành để đánh giá về mặt kỹ thuật và chất lượng cũng như khối lượng công việc đã hoàn thành, nhận xét và đưa ra phương hướng thực hiện các công đoạn tiếp theo.

d. Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bên A.

### **Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng**

8.1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tổ chức lựa chọn nhà thầu, quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, áp dụng cho Hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm hợp đồng tư vấn xây dựng phải được Bên B hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng tư vấn xây dựng.

8.2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của Hợp đồng: [quy định tại ĐKCT]

### **Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng**

9.1. Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; Phụ lục hợp đồng (nếu có).

9.2. Đề cương tư vấn giám sát được phê duyệt.

9.3. Nhiệm vụ và quy trình giám sát thi công xây dựng được duyệt.

9.4. Hồ sơ báo cáo kết quả giám sát thi công xây dựng.

9.5. Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho Hợp đồng tư vấn xây dựng.

## **Điều 10. Giá trị Hợp đồng**

10.1 Giá trị Hợp đồng:

a. Giá trị Hợp đồng là: [quy định tại **ĐKCT**].

b. Phương pháp điều chỉnh giá Hợp đồng thực hiện theo Điều 11. Điều chỉnh Hợp đồng tư vấn xây dựng.

10.2 Nội dung của giá trị Hợp đồng

a. Nội dung của giá trị Hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng bao gồm:

- Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi thực địa.

- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Bên A.

- Chi phí khác có liên quan.

b. Giá trị Hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của Bên A.

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của Hợp đồng tư vấn.

- Chi phí chưa tính trong giá trị Hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

## **Điều 11. Điều chỉnh Hợp đồng tư vấn xây dựng**

---

11.1. Phương pháp điều chỉnh giá Hợp đồng

Hợp đồng này không dùng phương pháp điều chỉnh theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Bộ xây dựng.

11.2. Điều chỉnh khối lượng công việc trong Hợp đồng

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong Hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2016 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 và Điều 4 Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Bộ xây dựng.

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của Hợp đồng tư vấn [quy định tại **ĐKCT**].

### **11.3. Điều chỉnh tiến độ của Hợp đồng tư vấn**

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện Hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2016.

- Khi điều chỉnh tiến độ Hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2016, Bên A và Bên B có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2016 cần thực hiện các công việc sau:

+ Bên A, Bên B căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện Hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện Hợp đồng thì Bên A, Bên B tư vấn căn cứ nội dung Hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện Hợp đồng tư vấn [quy định tại **ĐKCT**].

## **Điều 12. Quyền và nghĩa vụ chung của Bên B.**

### **12.1. Quyền của Bên B:**

a. Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận Hợp đồng (nếu có).

b. Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Bên A hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c. Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi Hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A.

d. Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

e. Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán đúng hạn theo quy định.

f. Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

### **12.2. Nghĩa vụ của Bên B:**

a. Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

b. Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng cùng Bên A theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám sát tác giả, trả lời các nội dung có liên quan đến hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của Bên A.

c. Bảo quản và giao lại cho Bên A những tài liệu và phương tiện làm việc do Bên A cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

d. Thông báo ngay bằng văn bản cho Bên A về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

e. Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

f. Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của Hợp đồng:

Bên B phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Bên B theo Hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Bên B trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong Hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Bên B để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong Hợp đồng thì Bên B phải chịu trách nhiệm.

g. Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h. Nộp cho Bên A các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Bên B thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i. Bên B có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Bên A tổ chức.

j. Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Bên A phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

k. Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Bên A cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng đối với tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi; ngày hoàn thành và bàn giao công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.

l. Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

m. Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Bên A, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

n. Cử nhân sự có đủ điều kiện, năng lực, kinh nghiệm để giám sát Nhà thầu thi công thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với các công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; giám sát các biện pháp đảm bảo an toàn đối với công trình lân cận, công tác quan trắc công trình và thực hiện công tác sử dụng mô hình thông tin công trình (BIM) trong giai đoạn thi công của gói thầu.

o. Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của Bên A.

p. Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Ngoài việc thực hiện Tư vấn còn có trách nhiệm cụ thể như sau:

- Soạn thảo các văn bản trình Bên A phê duyệt.

- Nộp hồ sơ thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

- Mua bảo hiểm trách nhiệm hành nghề tư vấn (nếu có) theo quy định và Bên B phải cung cấp cho Bên A bản sao Hợp đồng và hóa đơn bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp khi cấp có thẩm quyền yêu cầu.

- Từ chối các yêu cầu trái pháp luật của Bên A.

- Kiểm tra tất cả hồ sơ liên quan đến dự án để thực hiện hoàn thành nội dung của Hợp đồng.

- Chịu trách nhiệm trước Bên A và pháp luật về tính trung thực, tính chính xác và tính khách quan của các sản phẩm tư vấn.

- Bên B có trách nhiệm lưu trữ tất cả các File gốc của gói thầu và có trách nhiệm cung cấp cho Bên A khi có yêu cầu bằng văn bản của Bên A.

- Bên B phải có trách nhiệm phối hợp với Bên A giải trình những vướng mắc khi cấp có thẩm quyền yêu cầu trong quá trình phê duyệt quyết toán công trình và thực hiện đến khi thanh lý Hợp đồng.

- Trường hợp Bên B không kiểm tra số tài khoản thanh toán của Hợp đồng, dẫn đến cơ quan cấp phát vốn không thể chuyển khoản thanh toán Hợp đồng, khi đó Bên B phải bồi hoàn toàn bộ chi phí cho Bên A để nộp phạt cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Cung cấp hóa đơn cho Bên A theo quy định của Bộ Tài chính.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 13. Quyền và nghĩa vụ chung của Bên A.**

#### **13.1. Quyền của Bên A:**

a. Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo Hợp đồng.

b. Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo Hợp đồng.

c. Kiểm tra chất lượng công việc của Bên B nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Bên B.

d. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận Hợp đồng.

e. Yêu cầu Bên B thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

f. Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

#### 13.2. Nghĩa vụ của Bên A:

a. Cung cấp cho Bên B thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong Hợp đồng (nếu có).

b. Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo Hợp đồng.

c. Giải quyết kiến nghị của Bên B theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện Hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng.

d. Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Bên B.

e. Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.

f. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 14. Nhân sự của Bên B**

14.1. Nhân sự của Bên B phải có đủ năng lực để thực hiện Hợp đồng. Phải có chứng chỉ hành nghề, trình độ chuyên môn, kỹ năng, kinh nghiệm phù hợp, tương xứng về nghề nghiệp, công việc được giao trong gói thầu theo đề xuất trong HSĐT.

14.2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong Hợp đồng này. Trường hợp thay đổi nhân sự, Bên B phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Bên A, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Bên A không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên B thì nhân sự đó coi như được Bên A chấp thuận.

14.3. Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay thế bất kỳ nhân sự nào nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Bên A hoặc không đúng hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên B phải gửi văn bản thông báo cho Bên A trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A về việc thay đổi nhân sự. Trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

14.4. Bên B có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá Hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Bên A chấp thuận.

14.5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Bên A và Bên B thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở Phụ lục hợp đồng được ký kết.

14.6. Bên B tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Bên B không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

14.7. Nhân sự chủ chốt thực hiện Hợp đồng: được [quy định tại **ĐKCT**]

**Điều 15. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu**

Bên B sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Bên A được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép Bên B.

Bên B phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Bên B thực hiện và cung cấp cho Bên A không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Bên A sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

**Điều 16. Bảo hiểm**

Bên B mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định và cung cấp hồ sơ khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

**Điều 17. Rủi ro và bất khả kháng.**

17.1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong Hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

17.2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP 22 tháng 4 năm 2015 và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.

17.3. Thông báo về bất khả kháng:

a. Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b. Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

17.4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a. Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Bên B phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b. Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá Hợp đồng.

c. Bên B phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Bên A đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d. Bên A phải bồi thường những tổn hại cho Bên B vấn đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

17.5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a. Nếu Bên B bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo Hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của Hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Bên B sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của Hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong Hợp đồng.

b. Bên A phải xem xét quyết định các đề nghị của Bên B.

c. Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo Hợp đồng.

17.6. Chấm dứt và thanh toán Hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

a. Nếu việc thực hiện các công việc của Hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của Hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho bên kia.

b. Đối với trường hợp chấm dứt này, Bên A sẽ phải thanh toán cho Bên B:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong Hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Bên B, hoặc những thứ Bên B có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Bên A khi đã được Bên A thanh toán và Bên B sẽ để cho Bên A sử dụng.

**Điều 18. Tạm ngừng công việc trong Hợp đồng**

18.1. Tạm ngừng công việc bởi Bên A

Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên A có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Bên A phải nêu rõ phần lỗi của Bên B và yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A do tạm ngừng công việc.

18.2. Tạm ngừng công việc bởi Bên B

a. Nếu Bên A không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên B có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b. Sau khi Bên A thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c. Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Bên B phải thông báo cho Bên A để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Bên A xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

18.3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

### **Điều 19. Chấm dứt Hợp đồng**

#### **19.1. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A**

Bên A có thể chấm dứt Hợp đồng sau [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến Bên B. Bên A sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng khi:

a. Bên B không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Bên B không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng [quy định tại **ĐKCT**] mà Bên A có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót đó.

b. Bên B không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo [quy định tại **ĐKCT**] liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

c. Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A.

d. Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e. Bên B từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 24. [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].

f. Bên B cố ý trình Bên A các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Bên A.

g. Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 17. [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A có thể thuê các Bên B khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Bên A và các Bên B này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

#### **19.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B**

Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên A tối thiểu là [quy định tại **ĐKCT**] trong các trường hợp sau đây:

a. Công việc bị ngừng do lỗi của Bên A trong khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**].

b. Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Bên B không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian [quy định tại **ĐKCT**].

c. Bên A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

19.3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

19.4. Khi một trong hai bên chấm dứt Hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

19.5. Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 10. [Giá trị Hợp đồng] của Phần 3 và Điều 5. [Giá trị Hợp đồng], Điều 11. [Tạm ứng và thanh toán] của Phần 4 cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực và đã được 2 Bên nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

## **Điều 20. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng**

### **20.1. Quyết toán Hợp đồng**

a. Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021.

b. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Bên A rằng Bên B đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng, Bên B vẫn sẽ trình cho Bên A 10 bộ tài liệu quyết toán Hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc hoàn thành.
- Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài Hợp đồng.
- Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Bên A phải thanh toán cho Bên B.
- Các tài liệu khác theo thỏa thuận trong Hợp đồng (nếu có).

c. Nếu Bên A không đồng ý hoặc cho rằng Bên B chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán Hợp đồng, Bên B sẽ cung cấp thêm thông tin khi Bên A có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Bên B sẽ chuẩn bị và trình cho Bên A quyết toán Hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

d. Sau khi Hợp đồng được quyết toán theo quy định, Bên A sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của Hợp đồng cho Bên B theo giá trị quyết toán gói thầu được cấp thẩm quyền phê duyệt.

20.2. Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 8. [Chấm dứt hợp đồng] của Phần 4.

## **Điều 21. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn**

Nghiệm thu sản phẩm [quy định tại **ĐKCT**]

## **Điều 22. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng tư vấn xây dựng**

22.1. Thời gian thực hiện Hợp đồng được [quy định tại **ĐKCT**].

22.2. Tiến độ chi tiết:

Thời gian và phân công việc hoàn thành [quy định tại **ĐKCT**].

22.3. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, trường hợp Bên A hoặc Bên B gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn Hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

22.4. Việc gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Bên B.

### **Điều 23. Tạm ứng và thanh toán**

23.1. Tạm ứng: Căn cứ vào kế hoạch vốn được giao

Thời gian tạm ứng chậm nhất là [quy định tại **ĐKCT**], Bên A tạm ứng cho Bên B là [quy định tại **ĐKCT**] với số tiền là [quy định tại **ĐKCT**].

23.2. Tiến độ thanh toán

Số lần thanh toán là [quy định tại **ĐKCT**].

Giá trị mà Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo các lần thanh toán cụ thể được quy định tại **ĐKCT**.

Kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Bên B, Bên A phải thanh toán cho Bên B được quy định tại **ĐKCT**.

23.3. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành kèm theo Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành.

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài Hợp đồng.

- Đề nghị thanh toán của Bên B, bao gồm: Giá trị hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này.

- Cung cấp hóa đơn cho Bên A theo quy định của Bộ Tài chính.

23.4. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

23.5. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản 100%.

23.6. Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách thành phố.

### **Điều 24. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp.**

24.1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 28 ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 56 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với Hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 28 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với Hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

24.2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải: trong vòng 28 ngày.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật trong vòng 56 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

Giải quyết tranh chấp: trong vòng 28 ngày.

24.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

## **Điều 25. Phạt, bồi thường thiệt hại**

25.1. Vi phạm Hợp đồng:

Đối với Bên B: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**] thì phạt [quy định tại **ĐKCT**] nhưng tổng số tiền phạt không quá [quy định tại **ĐKCT**].

25.2. Vi phạm bảo lãnh tạm ứng: [quy định tại **ĐKCT**]

25.3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: [quy định tại **ĐKCT**].

## **Điều 26. Điều khoản chung:**

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng; không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng này có thể bổ sung bằng các Phụ lục bổ sung hợp đồng khi cần thiết.

Hợp đồng này Bên B không được mang đi thế chấp với các tổ chức tín dụng, ngân hàng với mọi hình thức.

Hợp đồng được lập thành 10 bản có hiệu lực như nhau, Bên A giữ 06 bản, Bên B giữ 04 bản.



**PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG****Điều 1. Loại Hợp đồng**

Loại Hợp đồng: Trọn gói.

**Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng**

2.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2.2. Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

**Điều 3. Bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng**

Thời gian nộp bảo lãnh tiền tạm ứng là 10 ngày kể từ ngày Hợp đồng được 2 bên ký kết.

Trước khi Bên A thực hiện việc tạm ứng Hợp đồng cho Bên B, Bên B phải nộp cho Bên A bảo lãnh tạm ứng 30% giá trị Hợp đồng tương ứng với số tiền .... đồng. (Bằng chữ: ..... đồng). Tất cả bảo lãnh tiền tạm ứng là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang và phải được Bên A chấp thuận.

Từng thành viên liên danh của Bên B phải nộp bảo lãnh tạm ứng hợp đồng cho Bên A, mức bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương ứng với phần giá trị tạm ứng hợp đồng của mỗi thành viên liên danh. Thành viên đứng đầu liên danh hoặc các thành viên liên danh có thể thỏa thuận để thực hiện việc bảo lãnh tạm ứng hợp đồng trong trường hợp có thành viên không nộp bảo lãnh tiền tạm ứng theo đúng thời hạn.

Từng thành viên liên danh của Bên B phải thực hiện bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng có giá trị và hiệu lực theo quy định của Hợp đồng này. Cụ thể như sau:

TT	Thành viên	Tên thành viên trong liên danh	Giá trị bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng (đồng)
1	Thành viên đứng đầu liên danh	Công ty ....	.....
2	Thành viên liên danh	Công ty .....	.....
<b>Tổng cộng</b>			....

Giá trị của bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị giảm trừ tiền tạm ứng qua mỗi lần thanh toán và đảm bảo tiền tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị Hợp đồng đã ký kết tương ứng với mỗi thành viên trong liên danh.

**Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng**

Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của Hợp đồng:

4.1. Đề cương giám sát thi công; Nhiệm vụ và quy trình giám sát thi công; Hồ sơ báo cáo kết quả giám sát thi công xây dựng gói thầu XL-02 thuộc dự án Nạo vét, cải

tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp được Bên A chấp thuận phê duyệt.

#### 4.2. Sản phẩm cung cấp cho Bên A:

- Mỗi loại hồ sơ 10 bộ.
- 01 USB cung cấp toàn bộ dữ liệu (file mềm) và dữ liệu đã được đóng dấu phê duyệt (file scan).
- Các tài liệu khác có liên quan.

#### **Điều 5. Giá trị Hợp đồng**

Giá trị Hợp đồng là: ..... đồng (Bằng chữ: ..... đồng).

Cụ thể như sau:

<b>TT</b>	<b>Thành viên</b>	<b>Tên thành viên trong liên danh</b>	<b>(Tỷ lệ % so với tổng giá Hợp đồng)</b>	<b>Giá trị thực hiện Hợp đồng (đồng)</b>
1	Thành viên đứng đầu liên danh	Công ty ....	...%	....
2	Thành viên liên danh	Công ty ....	...%	...
<b>Tổng cộng</b>			<b>100%</b>	<b>....</b>

(Đính kèm Phụ lục 01: Bảng giá trị Hợp đồng).

Giá Hợp đồng trên đã bao gồm tất cả các loại thuế, phí và các chi phí khác theo quy định của Nhà nước để thực hiện hoàn thành toàn bộ các công việc của gói thầu được thể hiện tại Điều 7 [Nội dung và khối lượng công việc tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình] và toàn bộ chi phí nêu tại Điều 10.[Giá trị Hợp đồng] của Phần 3.

Trường hợp có sự thay đổi và điều chỉnh giá trị Hợp đồng, 02 bên sẽ thương thảo và ký Phụ lục hợp đồng.

Giá trị chính thức của Hợp đồng là giá trị quyết toán được cấp thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 6. Điều chỉnh Hợp đồng tư vấn xây dựng**

6.1. Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng:

- **Bổ sung công việc ngoài phạm vi quy định trong Hợp đồng đã ký kết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.**

- **Do các trường hợp bất khả kháng.**

- Nội dung điều chỉnh giá trị Hợp đồng sẽ được hai bên cụ thể trong Phụ lục hợp đồng.

- Đối với những khối lượng phát sinh nằm ngoài phạm vi Hợp đồng đã ký mà chưa có quy định về đơn giá hoặc phương pháp xác định đơn giá trong Hợp đồng, các

bên tham gia Hợp đồng phải thỏa thuận, thống nhất đơn giá hoặc nguyên tắc, phương pháp xác định giá để thực hiện khối lượng công việc này trước khi thực hiện.

6.2. Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện Hợp đồng:

- Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác.

- Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Bên A làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng.

- Tạm dừng hợp đồng do lỗi của Bên A, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng xây dựng mà không do lỗi của Bên B gây ra.

- Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Bên A gây ra.

### **Điều 7. Nhân lực của Bên B**

Theo đề xuất của Bên B trong HSDT (*Đính kèm Phụ lục: Danh sách nhân sự tham gia gói thầu*).

Bên B phải gửi văn bản thông báo cho Bên A trong vòng là 05 ngày làm việc.

### **Điều 8. Chấm dứt Hợp đồng**

Bên A có thể chấm dứt Hợp đồng sau 07 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến Bên B. Bên A sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng khi:

Bên B không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Bên B không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 07 ngày.

Bên B không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 10. [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng tư vấn xây dựng] của Phần 4, hoặc 07 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên A tối thiểu là 07 ngày.

Công việc bị ngừng do lỗi của Bên A trong khoảng thời gian 30 ngày.

Bên A không thanh toán cho Bên B theo Hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 24. [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 45 ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Bên B không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian 07 ngày.

### **Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn**

Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ tương ứng với hồ sơ nghiệm thu gói thầu XL-02, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do Bên B cung cấp, Bên A căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng Bên B phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng được Bên A chấp thuận nghiệm thu.

### **Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng tư vấn xây dựng**

10.1. Thời gian thực hiện Hợp đồng là ... ngày (bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ), kể từ ngày khởi công chính thức ghi trong Thông báo khởi công công trình của Bên A đến ngày hoàn thành công tác thi công ngoài hiện trường. Thời gian thực hiện trên không bao gồm thời gian Bên B lập đề cương giám sát thi công xây dựng, những

ngày phải ngưng thi công theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và thời gian trình Bên A xem xét hồ sơ; trình các cấp thẩm quyền phê duyệt các bước và các trường hợp bất khả kháng.

#### 10.2. Tiến độ chi tiết:

Bên B phải lập và nộp đề cương giám sát thi công xây dựng công trình cho Bên A trong vòng 05 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng và trước khi có Lệnh khởi công của Bên A.

Bên B phải lập bảng tiến độ chi tiết công việc thực hiện tương ứng với tiến độ gói thầu XL-01 trình Bên A thông qua, làm cơ sở quản lý tiến độ thực hiện Hợp đồng.

Thời gian thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực đến khi các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng xây dựng đã ký kết.

Trong thời gian bảo hành công trình, Bên B có trách nhiệm phối hợp với Bên A và các đơn vị liên quan kịp thời khắc phục các hư hỏng (nếu có).

Trường hợp thời gian thực hiện kéo dài hơn thời gian nêu trên do các nguyên nhân khách quan phải được Bên A xác nhận bằng biên bản cụ thể.

### **Điều 11. Tạm ứng và thanh toán**

#### 11.1. Tạm ứng:

Căn cứ vào kế hoạch vốn được giao, sau khi Hợp đồng được ký kết và có hiệu lực, Bên A nhận được bảo lãnh tạm ứng của từng thành viên liên danh, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 30% giá trị Hợp đồng tương ứng với số tiền .... đồng. (Bằng chữ: .... đồng). Cụ thể như sau:

TT	Thành viên	Tên thành viên trong liên danh	(Tỷ lệ % so với tổng giá trị tạm ứng)	Giá trị tạm ứng Hợp đồng (đồng)
1	Thành viên đứng đầu liên danh	Công ty ....	...%	....
2	Thành viên liên danh	Công ty ....	...%	...
<b>Tổng cộng</b>			<b>100%</b>	<b>...</b>

*Tiền tạm ứng sẽ được chuyển vào tài khoản của từng thành viên trong liên danh. Đồng thời, từng thành viên liên danh phải nộp bảo lãnh tạm ứng tương ứng với số tiền được tạm ứng của mình cho Bên A.*

Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán, mức thu hồi của từng lần tối thiểu 37,5% giá trị từng lần nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng và phải bảo đảm tiền tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị Hợp đồng.

Thời gian tạm ứng chậm nhất là trong vòng 07 ngày kể từ ngày Hợp đồng được 2 bên ký kết và Bên A đã nhận đầy đủ hồ sơ, Bên A hoàn thành các thủ tục và chuyển đề nghị tạm ứng tới cơ quan cấp phát vốn tạm ứng cho Bên B.

## 11.2. Tiến độ thanh toán

Căn cứ vào kế hoạch vốn được giao, khối lượng gói thầu tư vấn giám sát được nghiệm thu và được cơ quan cấp phát vốn chấp thuận thanh toán, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo tỷ lệ phần trăm từng đợt của khối lượng gói thầu XL-02 được nghiệm thu thanh toán tương ứng, như sau:

<b>Giá trị thanh toán từng đợt giám sát được nghiệm thu</b>	=	<b>Giá trị thực hiện được nghiệm thu từng đợt của gói thầu XL-02</b>	:	<b>Tổng giá trị Hợp đồng của gói thầu XL-02 (không bao gồm chi phí dự phòng)</b>	x	<b>Giá trị Hợp đồng gói thầu tư vấn giám sát.</b>
---	---	--	---	--	---	---

- Bên A thanh toán cho Bên B tương ứng theo tỷ lệ phần trăm từng đợt giữa khối lượng của gói thầu XL-02 được nghiệm thu thanh toán trên tổng giá trị Hợp đồng XL-02 (không bao gồm chi phí dự phòng), nhưng tổng giá trị thanh toán các đợt không được vượt quá 90% giá trị Hợp đồng tư vấn giám sát, đồng thời thu hồi số tiền tạm ứng qua các lần thanh toán.

- Sau khi gói thầu XL-02 đã được thi công hoàn thành và được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 95% giá trị Hợp đồng tư vấn giám sát được nghiệm thu.

- Sau khi dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán, Bên A sẽ thanh toán phần giá trị còn lại cho Bên B theo giá trị được phê duyệt quyết toán.

*Khoảng thời gian Bên A phải thanh toán cho Bên B khi nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Bên B là trong vòng 07 ngày làm việc, Bên A hoàn thành các thủ tục và chuyển đề nghị thanh toán tới cơ quan cấp phát vốn thanh toán cho Bên B.*

*Nếu giá trị quyết toán của gói thầu được cấp thẩm quyền phê duyệt, kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán thấp hơn giá trị mà Bên A đã thanh toán cho Bên B thì Bên B phải có trách nhiệm hoàn trả khoản chênh lệch này vào tài khoản Bên A để Bên A nộp hoàn trả Ngân sách trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A, mà không được chậm trễ từ chối thực hiện vì bất cứ lý do gì.*

Công tác thanh toán, quyết toán giá trị Hợp đồng căn cứ vào Kế hoạch vốn được cấp thẩm quyền giao để thực hiện, không làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng.

## **Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp**

12.1. Thời gian để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại là trong vòng 28 ngày.

12.2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải là trong vòng 28 ngày.

Khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật là trong vòng 56 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải.

Giải quyết tranh chấp:

+ Nguyên tắc và trình tự giải quyết tranh chấp Hợp đồng xây dựng được quy định như sau:

- Tôn trọng các thỏa thuận Hợp đồng và các cam kết trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bảo đảm bình đẳng và hợp tác;

- Các bên Hợp đồng có trách nhiệm tự thương lượng giải quyết tranh chấp. Trường hợp các bên Hợp đồng không tự thương lượng được thì tranh chấp được giải quyết thông qua hòa giải, trọng tài thương mại hoặc tòa án theo quy định của pháp luật.

+ Trường hợp các bên tham gia Hợp đồng có thỏa thuận giải quyết tranh chấp Hợp đồng thông qua hòa giải được thực hiện bởi cơ quan, tổ chức hoặc một, một số cá nhân chuyên gia (gọi chung là ban xử lý tranh chấp), khi đó việc xử lý tranh chấp hợp đồng thông qua ban xử lý tranh chấp được quy định như sau:

- Ban xử lý tranh chấp có thể được nêu trong Hợp đồng tại thời điểm ký kết hoặc thiết lập sau khi có tranh chấp xảy ra. Số lượng thành viên ban xử lý tranh chấp do các bên tự thỏa thuận. Thành viên ban xử lý tranh chấp phải là người có trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung tranh chấp, kinh nghiệm trong vấn đề giải quyết tranh chấp hợp đồng và hiểu biết về các quy định pháp luật liên quan đến Hợp đồng xây dựng.

- Trong thời hạn hai mươi tám (28) ngày kể từ ngày các bên nhận được kết luận hòa giải của ban xử lý tranh chấp, nếu một bên không đồng ý kết luận hòa giải của ban xử lý tranh chấp thì có quyền phản đối và các tranh chấp này sẽ được giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa án theo quy định của pháp luật; trường hợp quá thời hạn nêu trên không bên nào phản đối kết luận hòa giải thì coi như các bên đã thống nhất với kết luận hòa giải. Khi đó, các bên phải thực hiện theo kết luận hòa giải.

- Chi phí cho ban xử lý tranh chấp được tính trong giá Hợp đồng xây dựng và do mỗi bên Hợp đồng chịu một nửa, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

+ Thời hiệu khởi kiện theo thủ tục Trọng tài hoặc thời hiệu khởi kiện lên Tòa án giải quyết tranh chấp Hợp đồng xây dựng được thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật.

### **Điều 13. Phạt, bồi thường thiệt hại**

#### **13.1. Phạt vi phạm Hợp đồng**

##### **a. Vi phạm về chất lượng :**

Trường hợp Bên B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng dẫn đến công trình hoặc hạng mục công trình không đảm bảo chất lượng phải dỡ bỏ

xây dựng lại, khi đó Bên B có trách nhiệm:

- Giải trình trước các cơ quan có thẩm quyền khi có chất vấn và chịu trách nhiệm theo luật định về những thiệt hại kinh tế, xã hội gây ra bởi các sai sót đó.

- Lập lại các hồ sơ theo đúng nội dung công việc đã giao, đúng theo các quy định hiện hành hoặc phải bồi hoàn kinh phí để xử lý các sai sót đó.

- Cung cấp lại sản phẩm theo nghĩa vụ Hợp đồng và giám sát đơn vị thi công cập nhật lại nguồn dữ liệu mô hình thông tin công trình BIM.

*- Bị phạt 12% chi phí tư vấn giám sát trên khối lượng XL-02 không đảm bảo chất lượng thông qua khâu trừ thanh toán và Bên B không được thanh toán chi phí tư vấn giám sát đối với khối lượng này, đồng thời Bên B phải thực hiện đầy đủ nhiệm vụ tư vấn giám sát được Bên A giao cho đến khi công trình thi công hoàn thành đúng theo thiết kế được duyệt.*

---

Trường hợp Bên B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình dẫn đến hồ sơ KCS, công tác kiểm tra chất lượng công trình, hồ sơ hoàn công của Bên B xây lắp không đảm bảo theo đúng quy định hiện hành thì Bên B sẽ bị phạt hành chính theo quy định.

b. Vi phạm về thời gian thực hiện:

- Trường hợp Bên B gây cản trở, kéo dài thời gian thi công làm ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng của đơn vị thi công (có khiếu nại được xác định là lỗi của tư vấn giám sát) thì Bên B sẽ bị phạt 2% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm cho việc làm chậm thời gian thi công 07 ngày đầu tiên và bị phạt thêm 1% cho mỗi đợt chậm (07 ngày) tiếp theo cho đến khi mức phạt bằng 12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm.

c. Thời gian hiệu lực bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (nếu có) không liên tục, mỗi đợt (01 ngày) phạt 1% giá trị tương ứng của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng bị vi phạm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị bị vi phạm.

d. Khi mức phạt bằng 12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm thì Bên A có quyền xem xét chấm dứt Hợp đồng.

đ. Phạt khi không thực hiện Hợp đồng:

Trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký kết Hợp đồng và có hiệu lực, nếu Bên B hoàn toàn không thực hiện Hợp đồng thì phải chịu phạt 12% giá trị Hợp đồng.

13.2. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: Áp dụng Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.

#### **Điều 14. Điều khoản chung**

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm Hợp đồng được ký kết.

Hợp đồng này có thể bổ sung bằng các Phụ lục bổ sung hợp đồng khi cần thiết.

Hợp đồng này Bên B không được mang đi thế chấp với các tổ chức tín dụng, ngân hàng với mọi hình thức.

Hợp đồng được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 06 bản, Bên B giữ 04 bản./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**  
**HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**GIÁM ĐỐC**

**Đậu An Phúc**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
**LIÊN DANH .....**

**Thành viên đứng đầu liên danh**  
**CÔNG TY ...**  
**GIÁM ĐỐC**

**Thành viên liên danh**  
**CÔNG TY ...**  
**GIÁM ĐỐC**

...

...

**PHỤ LỤC 01: BẢNG GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo Hợp đồng số: /HD-BHTĐT ngày tháng năm 2025)

S T T	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)		
			Công ty ...	Công ty ...	Tổng		Công ty ...	Công ty ...	Tổng
1	Chi phí gói thầu TV-13: Tư vấn giám sát thi công xây dựng gói thầu XL-02 thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiều Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp	Trọn gói			1	...	...	...	...
	<b>Tổng cộng giá trị Hợp đồng</b>					...	...	...	...

*Bằng chữ: .... đồng./.*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**GIÁM ĐỐC**

**Đậu An Phúc**  
**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
**LIÊN DANH ....**

**Thành viên đứng đầu liên danh**  
**CÔNG TY ....**  
**GIÁM ĐỐC**

**Thành viên liên danh**  
**CÔNG TY ...**  
**GIÁM ĐỐC**

....

...